

Số: 57 /2025/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng thực hiện các hoạt động về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi hoạt động của Sở; tổ chức thực hiện các dịch vụ công về công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, có trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật. Trung tâm Công

nghệ thông tin chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục chuyển đổi số thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về Nông nghiệp và Môi trường theo quy định, gồm:

- a) Thu nhận, lưu trữ, bảo quản tài liệu, tư liệu.
- b) Xây dựng Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn Tỉnh.
- c) Xây dựng Kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường hàng năm và phối hợp tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu Nông nghiệp và Môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu Nông nghiệp và Môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, trung ương.
- d) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu về Nông nghiệp và Môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường của Tỉnh.
- đ) Tổ chức, phối hợp và kiểm tra giám sát công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường tại địa phương. Trong đó bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần về Nông nghiệp và Môi trường: hệ thống các cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống thông tin địa lý, đo đạc, bản đồ, đất đai, môi trường, nước, biến đổi khí hậu và các cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý khác thuộc lĩnh vực quản lý nông nghiệp và môi trường.
- e) Xây dựng danh mục dữ liệu về Nông nghiệp và Môi trường của địa phương và phối hợp tổ chức công bố trên cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường và của Tỉnh.
- g) Phối hợp kiểm tra và đề xuất hình thức xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu nông nghiệp và môi trường của địa phương.
- h) Thực hiện việc tích hợp, cập nhật dữ liệu hoặc cơ sở dữ liệu vào hệ thống đối với cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cơ sở dữ liệu giá

đất; kiểm tra việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, nông nghiệp.

2. Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý gồm:

a) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Quản trị vận hành hạ tầng kỹ thuật, duy trì hoạt động của cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử, thư viện điện tử, bảo đảm việc cung cấp dịch vụ hành chính công trên mạng thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cổng dịch vụ công Tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện công tác tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức các hoạt động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn Tỉnh; hướng dẫn, giám sát, quản lý các hệ thống thông tin và các phần mềm quản lý chuyên ngành; tích hợp, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về Nông nghiệp và Môi trường với các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

c) Xây dựng, triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Tư vấn, cung cấp dịch vụ về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nông nghiệp và môi trường; thực hiện dịch vụ, chuyển giao công nghệ về ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

đ) Lập đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ngành nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định. Thẩm định, giám sát thi công, kiểm tra nghiệm thu các dự án về ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên ngành và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức và chuyển giao các ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng chuyên ngành cho cơ sở và các đối tượng sử dụng theo kế hoạch và chương trình được duyệt.

g) Tổ chức xây dựng, nghiên cứu và thực hiện các chương trình, đề tài, đề án về công nghệ thông tin, tư liệu, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác bảo đảm an toàn và bảo mật hệ

thống thông tin, các cơ sở dữ liệu điện tử về nông nghiệp và môi trường và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

i) Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công nghệ thông tin và thực hiện chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nông nghiệp và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

k) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch duy trì, vận hành, quản lý, bảo dưỡng hệ thống thông tin tại Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

l) Xây dựng, cập nhật, nâng cấp, mở rộng cơ sở dữ liệu; phát triển các phần mềm hỗ trợ việc quản lý để khai thác cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.

m) Thống kê, báo cáo về lĩnh vực công nghệ thông tin và dữ liệu về nông nghiệp và môi trường của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4. Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý.

5. Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, gồm:

a) Thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin theo phân cấp của Sở, bao gồm: các tài liệu điều tra cơ bản về nông nghiệp và môi trường theo quy mô của Tỉnh và quy mô các vùng kinh tế; sản phẩm kết quả của các công trình dự án; tài liệu là ấn phẩm nộp lưu để sử dụng lâu dài, bao gồm: Đơn giá sản phẩm do Sở ban hành, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, kết quả các dự án, kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học sau khi đã hoàn thành, các loại ấn phẩm bản đồ theo quy định.

b) Tổng hợp từ các số liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường; xây dựng, thành lập các tài liệu tổng hợp về nông nghiệp và môi trường phục vụ cộng đồng xã hội như: Tài liệu thông tin kinh tế - xã hội gắn với nông nghiệp và môi trường, bản đồ thông tin kinh tế - xã hội, bản đồ hành chính, bản đồ địa giới hành chính, bản đồ chuyên đề khác.

c) Chinh lý, số hoá hồ sơ lưu trữ, hồ sơ chuyên ngành nông nghiệp và môi trường; công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Điều tra, thu thập lập báo cáo chuyên đề về nông nghiệp và môi trường; lập, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính, xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính.

d) Giám sát, kiểm tra dữ liệu và cơ sở dữ liệu trên hệ thống thông tin nông nghiệp và môi trường theo định kỳ tháng, quý, năm và đột xuất.

6. Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý.

7. Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định, gồm:

a) Phân tích, xử lý, cập nhật, lưu trữ dữ liệu và cung cấp thông tin quy hoạch - kế hoạch, thống kê, kiểm kê hàng năm hay định kỳ về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

b) Quản lý, lưu trữ và tổ chức cung cấp, dịch vụ, thu phí khai thác về thông tin, tư liệu tổng hợp về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

8. Phối hợp với các đơn vị, tổ chức phổ biến, tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực quản lý nông nghiệp và môi trường.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, lao động hợp đồng, tài chính, tài sản thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm theo quy định của pháp luật và phân công Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức, người lao động theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm Công nghệ thông tin gồm có Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- b) Phòng Dữ liệu và Lưu trữ;
- c) Phòng Phát triển công nghệ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam Tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND Tỉnh;
- Công an Tỉnh;
- Công báo Tỉnh;
- Báo và ĐPTTH Tỉnh;
- UBND xã, phường;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, P.TH, T.

4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang